

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ



BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ

**NGHIÊN CỨU TỶ LỆ VÀ ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC CỦA SINH
VIÊN Y KHOA VỀ TRẦM CẢM CHỦ YẾU TẠI TRƯỜNG ĐẠI
HỌC NAM CẦN THƠ**

Mã số: C24.100

Chủ nhiệm đề tài: THS.BSNT. LÊ NGỌC NHƯ Ý

Thành viên:

- 1. TS. NGÔ MINH HÙNG**
- 2. THS.BS. BÙI XUÂN TRÀ**
- 3. THS. LÂM THỊ THU PHƯƠNG**

Cần Thơ, 14 tháng 07 Năm 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ



BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ

NGHIÊN CỨU TỶ LỆ VÀ ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC CỦA SINH VIÊN
Y KHOA VỀ TRẦM CẢM CHỦ YẾU TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM
CẦN THƠ

Mã số: C24.100

Chủ nhiệm đề tài: THS.BSNT. LÊ NGỌC NHƯ Ý

Thành viên:

- 1. TS. NGÔ MINH HÙNG**
- 2. THS.BS. BÙI XUÂN TRÀ**
- 3. THS. LÂM THỊ THU PHƯƠNG**

Cần Thơ, 14 tháng 07 Năm 2025

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU

1. Chủ nhiệm đề tài:

THS.BS. Lê Ngọc Như Ý

2. Thành viên tham gia nghiên cứu

TS. Ngô Minh Hùng

THS.BS. Bùi Xuân Trà

THS. Lâm Thị Thu Phương

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các kết quả được trình bày trong nghiên cứu là trung thực, khách quan và chưa được trình bày ở bất kỳ nơi nào.

Cần Thơ, Ngày 21/07/2025

Chủ nhiệm đề tài

THS.BS.Lê Ngọc Như Ý

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo Trường Đại Học Nam Cần Thơ, quý đồng nghiệp tại Khoa Y đã giúp đỡ tôi hoàn thành đề tài trong hơn một năm qua. Đặc biệt, giáo sư Phillip Trần, giáo sư David Cassell đã cùng tôi lên ý tưởng cho đề tài. Bên cạnh đó, tôi xin gửi lời cảm ơn các em sinh viên tình nguyện tham gia nghiên cứu.

Mặc dù đã cố gắng nhưng đề tài vẫn khó tránh khỏi những sai sót, rất mong được sự đánh giá và góp ý của quý đồng nghiệp.

Chủ nhiệm đề tài

MỤC LỤC

TRANG PHỤ BÌA

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU

LỜI CAM ĐOAN

LỜI CẢM ƠN

MỤC LỤCi

DANH MỤC BẢNG iii

DANH MỤC BIỂU ĐỒiv

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TIẾNG VIỆTv

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT ANHvi

TÓM TẮT TIẾNG VIỆT vii

ABSTRACTix

PHẦN 1 MỞ ĐẦU 1

Chương 1: ĐẶT VẤN ĐỀ.....1

1.1 Tính cấp thiết của đề tài.....1

1.2 Mục tiêu nghiên cứu2

Chương 2: TỔNG QUAN TÀI LIỆU3

2.1 Tổng quan3

2.2 Kiến thức của sinh viên12

2.3 Kết quả nghiên cứu trong nước và quốc tế.....13

PHẦN 2: PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN NGHIÊN CỨU15

Chương 3: ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU15

3.1 Đối tượng nghiên cứu15

3.2 Phương pháp nghiên cứu15

<i>Chương 4: PHƯƠNG TIỆN NGHIÊN CỨU</i>	24
4.1 Phương tiện nghiên cứu.....	24
4.2 Đạo đức trong nghiên cứu	26
PHẦN 3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN.....	28
<i>Chương 5: KẾT QUẢ</i>	28
5.1 Đặc điểm chung đối tượng nghiên cứu	28
5.2 Đặc điểm trầm cảm chủ yếu của mẫu nghiên cứu.....	29
5.3 Kiến thức của sinh viên về trầm cảm chủ yếu.....	35
<i>Chương 6: THẢO LUẬN</i>	39
6.1 Đặc điểm chung đối tượng nghiên cứu	39
6.2 Đặc điểm lâm sàng của trầm cảm chủ CỬA MẪU NGHIÊN CỨU	39
6.3 Yếu tố liên quan.....	42
6.4 Kiến thức của sinh viên về trầm cảm chủ yếu.....	45
PHẦN 4: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	49
<i>Chương 7: KẾT LUẬN</i>	49
4.1 Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu	49
4.2 Đặc điểm lâm sàng trầm cảm chủ yếu.....	49
4.3 Kiến thức của sinh viên về trầm cảm chủ yếu.....	50
<i>Chương 8: KIẾN NGHỊ</i>	51
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC 1	
PHỤ LỤC 2	
PHỤ LỤC 3	
DANH SÁCH SINH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU	

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Triệu chứng trầm cảm chủ yếu	3
Bảng 2.2: Thang điểm PHQ-9	9
Bảng 3.1: Kết quả trầm cảm chủ yếu	17
Bảng 3.2. Ý định tự tử ở sinh viên có trầm cảm chủ yếu	17
Bảng 3.3: Các yếu tố liên quan.....	21
Bảng 2.3: Kiến thức sinh viên về trầm cảm chủ yếu.....	23
Bảng 5.1. Tỷ lệ trầm cảm ở nam và nữ (n=1831)	28
Bảng 5.2. Phân bố theo nhóm tuổi (n=1831)	29
Bảng 5.3. Mức độ trầm cảm trong sinh viên	30
Bảng 5.4. Tỷ lệ sinh viên có ý định tự tử	31
Bảng 5.5. Các yếu tố liên quan đến trầm cảm chủ yếu.....	31
Bảng 5.6. Mối liên hệ áp lực học tập và trầm cảm chủ yếu	33
Bảng 5.7. So sánh tỷ lệ trầm cảm giữa đã và chưa tham gia lâm sàng (n=1831)	34
Bảng 5.8. So sánh mức độ trầm cảm giữa đã và chưa tham gia lâm sàng	34
Bảng 5.9: Kiến thức sinh viên về trầm cảm chủ yếu.....	35
Bảng 5.10. Kiến thức về vai trò trầm cảm chủ yếu giữa nhóm có và không có trầm cảm chủ yếu.....	36
Bảng 3.11. Các phương pháp điều trị trầm cảm theo nhận thức sinh viên	37
Bảng 3.12. So sánh kiến thức về điều trị trầm cảm của giữa sinh viên đã và chưa tham gia lâm sàng	38

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 5.1. Tỷ lệ giới tính mẫu nghiên cứu	28
Biểu đồ 5.2. Tỷ lệ sinh viên trầm cảm.....	29
Biểu đồ 5.3: Tỷ lệ trầm cảm chủ yếu ở sinh viên các năm học.....	30

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TIẾNG VIỆT

Từ viết tắt

TCCY

Ý nghĩa

Trăm cảm chủ yếu

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT ANH

Từ viết tắt	Tiếng Anh	Tiếng Việt
BMI	Body Mass Index	Chỉ số khối cơ thể
DSM-V	The Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorders, Fifth Edition	Tiêu chuẩn Chẩn đoán và Thống kê Rối loạn Tâm thần, lần thứ năm
HPA	The hypothalamic–pituitary–adrenal axis	Trục hạ đồi – tuyến yên - Thượng thận
MDD	Major Depressive Disorder	Trầm cảm chủ yếu
NCTU	Nam Can Tho University	Đại học Nam Cần Thơ
PHQ-9	The Patient Health Questionnaire 9	Thang đánh giá trầm cảm gồm 9 mục

TÓM TẮT TIẾNG VIỆT

Đặt vấn đề: Trầm cảm chủ yếu là một bệnh lý tâm thần phổ biến với tác động đáng kể đến sức khỏe cộng đồng. Việc học trong ngành y đòi hỏi sinh viên phải đáp ứng những yêu cầu khắt khe và thời gian học kéo dài. Hơn nữa, hầu hết sinh viên y khoa đều nằm trong độ tuổi từ 20-25, một giai đoạn đầy những căng thẳng góp phần gây ra trầm cảm, bao gồm áp lực học tập, khó khăn tài chính và những thách thức trong các mối quan hệ cá nhân. Do đó, các rối loạn sức khỏe tâm thần rất phổ biến trong nhóm sinh viên y khoa. Ngoài ra, một tỷ lệ đáng kể sinh viên gặp vấn đề về sức khỏe tâm thần mà không có đủ kiến thức hoặc hiểu biết về trầm cảm chủ yếu, điều này càng trầm trọng hơn do sự thiếu hụt các trung tâm chăm sóc sức khỏe cho sinh viên ở Việt Nam.

Mục tiêu nghiên cứu:

- 1. Xác định tỷ lệ mắc trầm cảm chủ yếu sinh viên y khoa tự đánh giá bằng thang điểm PHQ-9 đang học tại Đại Học Nam Cần Thơ.*
- 2. Đánh giá các yếu tố liên quan đến trầm cảm chủ yếu ở sinh viên y khoa của Đại Học Nam Cần Thơ.*
- 3. Đánh giá kiến thức của sinh viên tại Đại Học Nam Cần Thơ về trầm cảm chủ yếu.*

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang thực hành trên 1831 sinh viên ngành Y khoa từ năm nhất đến năm năm, tại trường Đại Học Nam Cần Thơ. Dữ liệu thu thập cho sinh viên hoàn thành bộ câu hỏi PHQ-9 và bộ câu hỏi kiến thức của sinh viên thông qua Googleform. Dữ liệu được phân tích bằng SPSS, áp dụng các phương pháp thống kê mô tả và so sánh giữa các nhóm bằng kiểm χ^2 .

Kết quả: Có 1831 sinh viên tham gia vào nghiên cứu, trong đó giới tính chiếm ưu thế là nữ 57,2%. Độ tuổi trung bình $21,2 \pm 2,2$. Tỷ lệ sinh viên mắc trầm cảm chủ yếu tự đánh giá bằng thang điểm PHQ-9 là 49,2%. Sinh viên nữ có tỉ lệ trầm cảm chủ yếu là 61,1% cao hơn có ý nghĩa thống kê so với nam 38,9%. Tỷ lệ sinh viên đã tham gia lâm sàng có trầm cảm 49,7% và nhóm sinh viên chưa tham gia lâm sàng 50,3% (453/900). Tỷ lệ trầm cảm mức độ nhẹ chiếm ưu thế trong nghiên cứu 54,6%. Tỷ lệ sinh viên trầm cảm có ý định tự tử là 45,4%. Các yếu tố liên quan đến trầm cảm chủ yếu bao gồm tần suất sử dụng rượu, cafe, nước ngọt, tiền sử gia đình có người mắc trầm cảm, gánh nặng

tài chính, áp lực học tập, tham gia lâm sàng, các vấn đề các mối quan hệ, các vấn đề sức khỏe đau mạn tính và các vấn đề về giấc ngủ có mối liên quan đến trầm cảm. Đa phần các sinh viên cho rằng sức khỏe tinh thần quan trọng chiếm tỷ lệ 74,1%. Có đến 84,8% sinh viên cho rằng sức khỏe tinh thần ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống. Có đến 89,7% sinh viên cho rằng cần thiết có trung tâm sức khỏe tinh thần.

Từ khóa: Trầm cảm chủ yếu, PHQ-9, trầm cảm

ABSTRACT

Introduction: Major depressive disorder is a popular mental health condition that significantly impacts public health. Pursuing a medical degree entails rigorous academic demands and an extended study duration. Furthermore, the majority of medical students are aged between 20 and 25—a critical period marked by numerous stressors that may contribute to depression, such as academic pressure, financial hardship, and challenges in personal relationships. Consequently, mental health disorders are highly prevalent among this demographic. Additionally, a substantial proportion of students experience psychological difficulties without possessing adequate knowledge or awareness of major depressive disorder. This issue is further exacerbated by the lack of student-oriented mental health care facilities in Vietnam.

Research Objectives:

1. To determine the prevalence of major depressive disorder among medical students at Nam Can Tho University through self-assessment using the PHQ-9 scale.
2. To evaluate factors associated with major depressive disorder among medical students at Nam Can Tho University.
3. To assess the level of knowledge of students at Nam Can Tho University regarding major depressive disorder.

Results: A total of 1,831 students participated in the study, with a predominance of female respondents accounting for 57.2%. The mean age was 21.2 ± 2.2 years. The prevalence of major depressive disorder, as self-assessed using the PHQ-9 scale, was 49.2%. Female students exhibited a significantly higher rate of depression (61.1%) compared to their male counterparts (38.9%). The prevalence of depression among students who had engaged in clinical practice was 49.7%, while it was 50.3% among those who had not yet participated (453/900). Mild depression was the most commonly reported severity level, representing 54.6% of cases. Notably, 45.4% of depressed students reported having suicidal ideation.

Several factors were found to be associated with major depressive disorder, including frequency of alcohol, coffee, and soft drink consumption; a family history of depression;

financial burden; academic pressure; involvement in clinical practice; relationship difficulties; chronic pain conditions; and sleep-related issues. A majority of students (74.1%) perceived mental health as important. Additionally, 84.8% believed mental health significantly affects quality of life, and 89.7% expressed a need for mental health care centers to support students.

Keywords: Major depressive disorder, PHQ-9, depression